

TÓM TẮT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

I. Thông tin chung:

1.1. Tên dự án:

Xây dựng nhà máy dây cáp kết nối truyền tín hiệu – Công ty TNHH kỹ thuật điện tử MSL Việt Nam tại Ý Yên

1.2. Tên chủ dự án

- Chủ dự án: Công ty TNHH kỹ thuật điện tử MSL Việt Nam
- Đại diện chủ đầu tư : Ông LEE, KUAN-HSIEN Chức vụ: Tổng giám đốc Công ty

- Địa chỉ: Thôn Lam Sơn, Xã Yên Hưng, Huyện Ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

1.3. Vị trí địa lý của dự án:

Khu vực thực hiện dự án đã được quy hoạch là đất cơ sở phi nông nghiệp tại thôn Lam Sơn, xã Yên Hưng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Tổng diện tích thực hiện dự án 19.960m².

Vị trí tiếp giáp của dự án như sau:

- + Phía Đông giáp ruộng lúa; cách một số hộ dân thôn 7 khoảng 130m.
- + Phía Bắc giáp nương nội đồng; cách khu dân cư thôn 6 khoảng 80m.
- + Phía Tây giáp đường giao thông nội đồng, tiếp đến là hộ chăn nuôi thôn 6.
- + Phía Nam giáp đường giao thông nội đồng, tiếp đến kênh Hoàng Đan 6, cách khu dân cư tập trung thôn 5 khoảng 600m về phía Tây Nam; cách khu dân cư tập trung thôn 7 khoảng 800m về phía Đông Nam.

1.4. Mục tiêu đầu tư:

- Tạo công ăn việc làm cho một số lao động của địa phương.
- Giải quyết vấn đề an sinh xã hội cho người lao động trong khu vực.
- Đóng góp vào sự phát triển quốc gia thông qua đóng thuế.
- Nâng cao hiệu quả khai thác quỹ đất chuyển đổi từ nông nghiệp, đảm bảo không đầu tư dàn trải, lãng phí đất.

1.5. Quy mô, công suất dự án

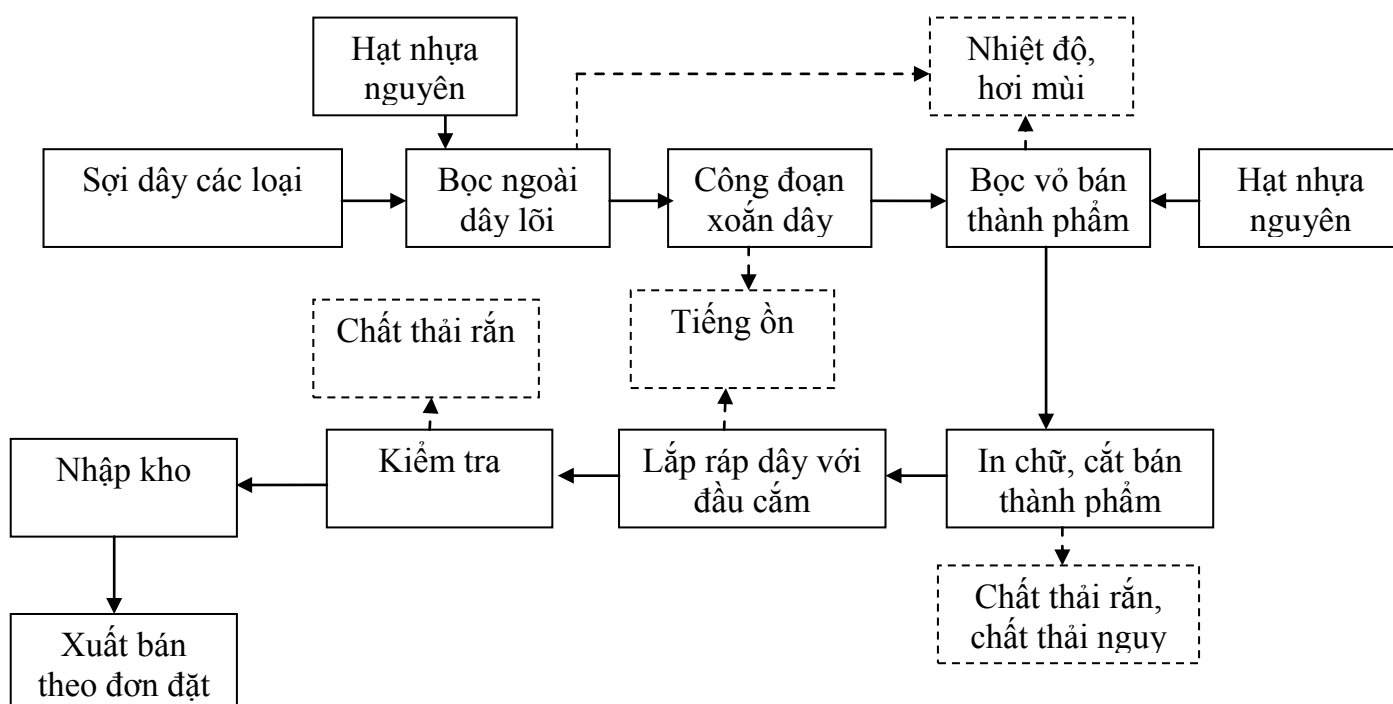
* Quy mô dự án: Đây là Dự án xây dựng mới. Tổng diện tích mặt bằng của dự án là 19.960m².

** Công suất dự án:*

- Gia công Dây cáp kết nối truyền tín hiệu các loại 25.000.000 sản phẩm/năm. Trong đó dây máy tính, dây điện thoại 12.000.000 sản phẩm/năm; Dây điện nguồn các loại: 6.500.000 sản phẩm/năm; Dây HDMI, dây USB: 4.500.000 sản phẩm/năm; Dây cáp quang tổng hợp: 2.000.000 sản phẩm/năm.

** Công nghệ sản xuất dự án:* Dự án hoạt động trong lĩnh vực gia công các loại dây cáp truyền tín hiệu với trang thiết bị máy móc hiện đại, thân thiện môi trường.

Sơ đồ: Quy trình gia công các loại dây cáp



II. Nội dung chính của dự án

2.1. Các hạng mục công trình của dự án

STT	Hạng mục công trình	Diện tích (m ²)	Số tầng cao
1	Nhà xưởng số 1	3.530	02
2	Nhà xưởng số 2	3.530	02
3	Nhà để xe	2.460	01
4	Nhà ăn	810	01
5	Nhà chuyên gia	402,5	02
6	Trạm điện, phòng điện	270	01

Tóm tắt ĐTM dự án “Xây dựng nhà máy dây cáp kết nối truyền tín hiệu –
Công ty TNHH kỹ thuật điện tử MSL Việt Nam tại Ý Yên”

7	Kho phế liệu (45m ²)+khu chứa chất thải rắn sinh hoạt (45m ²); kho chất thải rắn công nghiệp thông thường (45m ²), kho chất thải nguy hại (45m ²).	180	01
8	Nhà bảo vệ	35	01
9	Khu xử lý nước thải	100	-

2.2. Nguyên liệu sử dụng trong dự án

a. Trong giai đoạn thi công xây dựng

Diện tích san nền 19.960m², cos san nền 1,2m. Toàn bộ khu vực được đắp bằng cát đen và đất đào tận dụng đầm chặt K= 0,85. Tổng khối lượng cát san lấp mặt bằng khoảng 23.952m³ và được vận chuyển về dự án bằng đường bộ.

b. Trong giai đoạn dự án đi vào khai thác sử dụng

* *Nguồn cấp nước:* Nước cấp cho dự án được lấy từ hệ thống cấp nước sạch của xã Yên Hưng.

STT	Nhu cầu dùng nước	Quy mô	Nhu cầu sử dụng nước (m ³ /ng.đêm)
1	Nước cấp cho hoạt động làm mát sản phẩm và vệ sinh bể chứa nước làm mát	25.000.000 sp/năm	4
2	Nước cấp cho hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên làm việc trong nhà máy	800 người	40
3	Nước cấp tưới cây	4.001,91m ²	6
Tổng cộng			50

* *Nguồn cấp điện:* Dự án lấy điện từ lưới điện của xã Yên Hưng về trạm biến áp.

III. Các tác động đến môi trường và các công trình bảo vệ môi trường của dự án đầu tư.

3.1. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh

A, Giai đoạn thi công

- *Nước thải:*

+ Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân phát sinh khoảng 1,8m³/ngày.đêm.

Thành phần gồm: TSS; BOD₅; COD; Amoni; Nitrat; Sunfua; Photphat; vi khuẩn,...

+ Nước thải xây dựng: Nước thải phát sinh từ quá trình rửa các thiết bị, dụng cụ xây dựng phát sinh khoảng 3 m³/ngày. Thành phần chủ yếu: TSS,...

- *Khí thải:* Bụi, khí thải từ hoạt động của máy móc thiết bị thi công, từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, bùn, đất thải. Thành phần khí thải: Bụi, CO, SO₂, NO_x...

- *Chất thải rắn thông thường:*

+ *Chất thải rắn sinh hoạt:* Phát sinh từ hoạt động của cán bộ, công nhân xây dựng với khối lượng khoảng 12 kg/ngày. Thành phần: thực phẩm, thức ăn thừa, giấy vụn, bìa carton, ...

+ *Chất thải xây dựng phát sinh trong quá trình thi công xây dựng,* khối lượng phát sinh khoảng 174,7 tấn/quá trình xây dựng. Thành phần: đất đá, nạo vét bùn, đào hồ móng; bê tông, gạch, đá,..

- *Chất thải rắn nguy hại:*

Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công, xây dựng chủ yếu là dầu thải, chất thải nhiễm dầu từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng các máy móc thi công và phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu của dự án. Khối lượng phát sinh: giẻ lau dính dầu mỡ, bao bì sơn thải,... khoảng 50 kg;

B, Giai đoạn vận hành

- *Nước thải:*

Nước mưa chảy tràn với thành phần chủ yếu là chất rắn (đất, cát,...) bị cuốn trôi theo với tải lượng là:

$$1.720 \text{ (mm)} \times 19.960 \text{ m}^2 / 1000 \approx 34.331 \text{ m}^3 / \text{năm}$$

Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân phát sinh khoảng 42m³/ngày.đêm. Thành phần gồm: TSS; BOD₅; COD; Amoni; Nitrat; Sunfua; Photphat; vi khuẩn,...

- *Khí thải:*

Khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông của CBCNV. Thành phần khí thải chủ yếu là bụi, CO, SO₂, NO_x..

Hơi mùi phát sinh từ công đoạn phun vỏ bọc nhựa.

- *Chất thải :*

+ *Chất thải rắn sinh hoạt:* từ hoạt động sinh hoạt, khối lượng chất thải rắn sinh hoạt ước tính khoảng 320kg/ngày

+ Chất thải rắn công nghiệp thông thường: chất thải từ quá trình sản xuất khoảng 12.120 kg/năm và các chất thải khác (bao bì nylon, bìa carton,...) khoảng 1.750 kg/năm.

+ CTNH phát sinh khoảng 630 kg/năm.

3.2. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

a. Công trình, biện pháp thu gom và xử lý nước thải

** Hệ thống thu gom nước thải*

- Hệ thống thu nước thải được thiết kế là hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn với hệ thống đường cống thu gom và thoát nước mưa.

- Thiết kế hệ thống đường ống thu gom, dẫn nước thải D100 về bể xử lý nước thải. Dọc theo các tuyến có bố trí các ga lắng cặn. Tại những vị trí có đường ống thu gom nước thải từ nhà máy thoát ra, độ dốc lấy theo độ dốc dọc đường hoặc độ dốc tối thiểu nếu như độ dốc đường nhỏ hơn độ dốc tối thiểu của đường ống $=1/D$.

** Hệ thống xử lý nước thải của nhà máy:*

Xây dựng trạm xử lý nước thải công suất 45m³/ngày đêm với phương pháp xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học. Quy trình công nghệ bể xử lý nước thải như sau:

Nước thải từ khu vực nhà vệ sinh → Bể tự hoại 3 ngăn → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng → Bể lọc (bồn lọc) → Bể khử trùng → Nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột B → Hồ ga lấy mẫu → Kênh Hoàng Đan 6.

b. Công trình, biện pháp thu gom và xử lý bụi, khí thải

Giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí trong nhà máy.

- Xây dựng kế hoạch định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng thay thế hoặc đổi mới các máy móc thiết bị sản xuất kịp thời nhằm tránh gây rò rỉ các chất ô nhiễm, các chất độc hại ra môi trường, hạn chế các nguy cơ gây cháy nổ.

- Tại các nhà xưởng có lắp đặt hệ thống quạt thông gió đảm bảo không khí được lưu thông, thông thoáng, hạn chế hơi mùi trong nhà xưởng.

- Trồng cây xanh trong khuôn viên nhà máy với diện tích đạt khoảng 21,05%.

- Các phương tiện vận chuyển phải ra vào nhà máy có bạt che chắn, không để bụi rơi vãi, bay trên đường.

c. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Nhà máy có trách nhiệm trong việc ban hành quy chế, nội quy về việc quản lý, thu gom rác thải.

- Thực hiện thu gom, phân loại chất thải phát sinh; Thực hiện thu gom lưu giữ chất thải rắn về kho chứa CTR thông thường diện tích 45m². Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển chất thải theo quy định.

d. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Nhà máy thực hiện việc phân loại, thu gom, lưu chứa và xử lý theo đúng hướng dẫn của Thông tư 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quản lý chất thải nguy hại và Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu.

+ Phân loại chất thải nguy hại ngay tại nguồn.

+ Các loại chất thải nguy hại được lưu chứa trong các thùng chứa có thể tích phù hợp với từng loại chất thải, thùng chứa có dán mã CTNH.

+ Chủ đầu tư xây dựng kho chứa CTNH có diện tích 45 m², kho kín có mái che, biển báo CTNH, có cửa khóa.

+ Ký hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH theo đúng quy định.

e. Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường.

- *Hệ thống thoát nước*

+ Thường xuyên kiểm tra hệ thống đường cống thu gom nước mưa, nước thải, hệ thống hố ga và trạm xử lý nước thải để có phương án xử lý kịp thời.

+ Chủ đầu tư quy định tải trọng của xe lưu thông ra vào nhà máy để tránh hư hỏng, sập, gãy đường cống cấp, thoát nước.

- *Phòng chống sự cố về trạm xử lý nước thải tập trung công suất 45m³/ngày.đêm*

+ Thường xuyên theo dõi, phân tích định kỳ, quan sát tính biến động của nước thải và các yếu tố bất thường liên quan đến quá trình xử lý nước thải của hệ thống.

+ Hàng ngày ghi chép, lưu giữ thông tin chính xác, đầy đủ trong Sổ nhật ký vận hành của trạm xử lý.

+ Khi thấy bất kỳ hiện tượng bất thường nào phải tiến hành kiểm tra, theo dõi và báo cho người có thẩm quyền của Công ty để có biện pháp ứng phó, khắc phục kịp thời.

- *Phòng ngừa bệnh liên quan đến tác nhân nghề nghiệp:* Thường xuyên kiểm tra các thiết bị máy móc trong nhà xưởng. Đề ra nội quy về an toàn lao động trong quá trình vận hành các thiết bị máy móc và trang bị bảo hộ lao động cho người lao động,...

- *Phòng ngừa cháy nổ*: Nhà máy thiết kế, thi công và nghiệm thu hệ thống phòng cháy chữa cháy theo đúng quy định hiện hành. Trang bị các thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định; Lắp đặt các thiết bị bảo vệ an toàn điện cho các thiết bị máy móc sản xuất; Định kỳ 6 tháng/lần sẽ tiến hành kiểm tra các trang thiết bị phòng cháy chữa cháy; Thường xuyên tuyên truyền, huấn luyện, phổ biến và giáo dục các kiến thức về phòng chống cháy nổ cho người lao động và người sử dụng lao động. Xây dựng nội quy PCCC nơi sản xuất, làm việc và phổ biến cho cán bộ, công nhân hiểu biết và nghiêm túc thực hiện.

- *Phòng chống thiên tai*: Xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai, bão lụt; Thường xuyên kiểm tra bảo đảm an toàn các đường dây tải điện, đặc biệt khi có tin bão có thể xảy ra trên địa bàn; Thành lập ban phòng chống bão lụt, triển khai các hoạt động cụ thể trong mùa mưa bão phù hợp với tình hình thực tế; Xây dựng hệ thống chống sét, nối đất tại xưởng sản xuất.

IV. Chương trình quản lý, giám sát môi trường.

4.1. Giai đoạn xây dựng

* *Không khí xung quanh*:

- Vị trí giám sát: 01 vị trí cuối hướng gió ưu tiên gần khu dân cư tại khu vực xây dựng dự án.

- Thông số giám sát: Tiếng ồn, Tổng bụi lơ lửng, CO, SO₂, NO₂.

- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần.

- Thiết bị thu mẫu và phương pháp phân tích: theo các tiêu chuẩn môi trường Việt Nam.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

4.2. Giai đoạn vận hành

* *Giám sát nước thải*:

- Vị trí quan trắc giám sát:

+ 1 mẫu tại bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung. Thông số: Lưu lượng đầu vào (m³/ngày.đêm), pH, nhiệt độ, COD, BOD₅, TSS, Amoni, Tổng P (tính theo P), Tổng N (tính theo N), Sunfua, Coliform, Tổng dầu mỡ khoáng, clo dư.

+ 1 mẫu tại hồ ga sau bể khử trùng, điểm trước khi thải ra Kênh Hoàng Đan 6.
Thông số: Lưu lượng đầu ra ($m^3/ngày.đêm$), pH, nhiệt độ, COD, BOD₅, TSS, Amoni,
Tổng P (tính theo P), Tổng N (tính theo N), Sunfua, Coliform, Tổng dầu mỡ khoáng, clo
dur.

- Tần suất quan trắc giám sát: 3 tháng/lần (4 lần/năm).

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc
gia về chất lượng nước thải công nghiệp. Áp dụng hệ số $K_q = 0,9$, $K_f = 1,1$; Đối với các
thông số: pH, Coliform thì $C_{max} = C$

V. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN.

Chủ đầu tư cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các
Công ước Quốc tế, các tiêu chuẩn Việt Nam và để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường.

Nội dung cam kết thực hiện những nội dung sau:

- Tôn trọng các giá trị của các cộng đồng địa phương và thường xuyên tiến hành
trao đổi, tham khảo ý kiến của người dân địa phương trong các công việc có ảnh hưởng
đến hệ sinh thái và môi trường trong khu vực thực hiện dự án.

- Xây dựng, duy trì và kiểm tra các giải pháp giảm thiểu (nước thải, khí thải) trong
giai đoạn vận hành trạm xử lý nước thải. Sẵn sàng thông báo tình trạng khẩn cấp với đơn
vị cung cấp dịch vụ cứu trợ khẩn cấp các cơ quan có thẩm quyền và cộng đồng địa
phương.

- Phối hợp với chính quyền địa phương để lồng ghép các hoạt động sản xuất của
dự án vào mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội của địa phương

- Cam kết thực hiện đúng và đầy đủ đã thể hiện những nội dung bảo vệ môi trường
nêu trong bản báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

- Cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp xử lý nước thải và các biện pháp giảm
thiểu khác nêu trong bản báo cáo đánh giá tác động môi trường. Cam kết xử lý đạt các
quy chuẩn hiện hành về môi trường do trung ương và địa phương quy định.

- Cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn và bồi thường thiệt hại nếu để xảy ra sự cố
về môi trường.

- Cam kết xử lý nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT (B)- Quy chuẩn kỹ thuật
quốc gia về nước thải công nghiệp.

- Cam kết áp dụng các tiêu chuẩn, Quy chuẩn tương đương khi có thay đổi